TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Quang Khang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Dương Thị Tú Phương**

2. **Ông Phan Văn Chiếu**

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Yến Ly** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* **Bà Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Trần Văn M**, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: **Chị Thái Ngọc M,** sinh năm 1987, anh **Lê Chí N**, sinh năm 1983**;** Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B. *(Chị M có mặt, anh Nguyện vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Chị C**, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh B. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2018, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:***

Vào ngày 07/01/2015 anh có đưa cho chị Thái Ngọc M số tiền 65.000.000đ để chị M giúp cho con anh đi nghĩa vụ công an. Nhưng do chị M không lo cho con anh đi nghĩa vụ công an được nên anh yêu cầu chị Thái Ngọc M

trả lại số tiền này. Khi anh giao tiền cho chị M thì hai bên có làm biên nhận ngày 07/01/2015 với nội dung chị M mượn anh M số tiền 65.000.000đ. Từ khi nhận tiền đến nay chị M đã trả cho anh được 5.000.000đ và không có đóng lãi. Do khi anh giao tiền thì có cả hai vợ chồng chị M và anh Lê Chí N, đồng thời đây là tiền của anh cùng vợ là C nên nay anh yêu cầu chị M và anh Nguyện trả cho anh và chị Chiêm số tiền 60.000.000đ. Tại phiên tòa anh M xác định anh bắt đầu yêu cầu chị M trả tiền từ đầu tháng 3/2017. Do đó, nay anh yêu cầu chị M, anh Nguyện trả lãi từ ngày 01/3/2017.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Thái Ngọc M trình bày:***

Chị thừa nhận có vay của anh Anh M số tiền 65.000.000đ, chị xác định đây là tiền vay, không phải tiền chị nhận để lo cho con anh M đi nghĩa vụ công an như anh M trình bày. Khi vay tiền thì hai bên có làm biên nhận ngày 07/01/2015, chị và anh M thỏa thuận lãi suất là 04%/tháng nhưng không có ghi vào biên nhận. Từ khi vay đến nay chị đã trả cho anh M tiền gốc 5.000.000đ và trả tiền lãi trong khoảng thời gian hơn hai năm. Tuy nhiên, chị không nhớ bao nhiêu tiền, khi trả lãi không có làm biên nhận. Chị thừa nhận tiền vay của anh M là để dùng vào việc mua nhà cho vợ chồng chị. Chị đồng ý trả cho anh M số tiền còn nợ là 60.000.000đ. Chị Thái Ngọc M xin anh M không tính tiền lãi vì chị không có khả năng chi trả.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Chí N trình bày:***

Anh thừa nhận chị M có vay tiền của anh Anh M là 65.000.000đ, vay để mua bán thức ăn và lo cho việc chi tiêu trong gia đình. Anh đồng ý cùng chị M trả cho anh M số tiền còn nợ là 60.000.000đ. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu trả dần hàng tháng, anh không đồng ý trả lãi cho anh M.

**** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị C trình bày:***

Số tiền anh M cho chị M vay là tiền của vợ chồng chị. Do đó, nay anh M yêu cầu chị M, anh Nguyện trả 60.000.000đ và trả lãi trên số tiền này thì chị đồng ý.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa có căn cứ xác định chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N có nợ anh Trần Văn M, chị C số tiền 60.000.000đ. Do đó, nay anh M yêu cầu chị M, anh Nguyện trả số tiền trên là có căn cứ. Anh M yêu cầu chị M, anh Nguyện trả lãi từ ngày 01/3/2017

(thời điểm anh Anh M yêu cầu chị M trả nợ) là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn M và chị C số tiền gốc là 60.000.000đ và trả lãi trên số tiền 60.000.000đ theo mức lãi suất quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, thời điểm trả lãi từ ngày 01/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/10/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh M khởi kiện yêu cầu chị M, anh Nguyện trả số tiền còn nợ là 60.000.000đ và trả lãi trên số tiền này. Theo anh Anh M xác định, số tiền 65.000.000đ giao cho chị M theo biên nhận ngày 07/01/2015 là để chị M giúp cho con anh đi nghĩa vụ công an, nhưng chị M không thừa nhận. Anh M có yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phước Long xử lý chị Thái Ngọc M về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản anh. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phước Long đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M, anh Nguyện đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long, căn cứ vào các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Bị đơn anh Lê Chí N có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt anh Nguyện là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của anh Trần Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Thái Ngọc M, anh Lê Chí N thừa nhận hiện nay vợ chồng anh còn nợ anh Trần Văn M số tiền 60.000.000đ. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N có nợ anh Trần Văn M số tiền 60.000.000đ là có thật. Do đó, nay anh Trần Văn M yêu cầu chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N trả cho vợ chồng anh số tiền trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Anh Lê Chí N yêu cầu được trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, anh Trần Văn M không chấp nhận. Do đó, buộc chị Thái Ngọc M, anh Lê Chí N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn M, chị C số tiền là 60.000.000đ.

[5] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của anh M, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên nhận do anh M cung cấp thì anh M cho chị M vay tiền vào ngày 07/01/2015, không có thỏa thuận lãi suất. Chị M xác định đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất là 04%/tháng và chị đã trả tiền lãi cho anh M trong khoảng thời gian hơn 02 năm, trong khi anh M không thừa nhận. Đồng thời, anh Trần Văn M và chị Thái Ngọc M đều thừa nhận khi vay tiền hai bên không có thỏa thuận thời gian trả. Do đó, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Do đó, chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N chỉ phải chịu lãi chậm trả từ thời điểm anh Anh M yêu cầu chị M trả tiền. Tại phiên tòa, anh M, chị Chiêm xác định anh, chị yêu cầu chị M, anh Nguyện trả nợ từ đầu tháng 3/2017 nên anh M, chị Chiêm yêu cầu chị M, anh Nguyện trả lãi từ ngày 01/3/2017 đến ngày xét xử (ngày 11/10/2018) với thời gian 19 tháng 10 ngày là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm anh M, chị Chiêm yêu cầu chị Thái Ngọc M, anh Lê Chí N trả lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định. Như vậy, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam 9%/năm là bằng 0,75%/tháng. Do đó, chị M, anh Nguyện có nghĩa vụ trả lãi cho anh M, chị Chiêm như sau: 60.000.000đ x 0,75%/tháng x 19 tháng 10 ngày bằng 8.700.000đ.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh M và chị Chiêm không phải chịu án phí. Anh M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 471; 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn M. Buộc chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn M và chị C số tiền 68.700.000đ (Trong đó tiền gốc là 60.000.000đ, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 8.700.000đ).

2. Về án phí: Chị Thái Ngọc M và anh Lê Chí N phải chịu án phí đối với yêu cầu của anh Trần Văn M được chấp nhận là 3.435.000đ.

Anh Trần Văn M và chị C không phải chịu án phí. Anh M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013617 ngày 08/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được hoàn lại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Chí N vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHA huyện Phước Long;
- VKSND huyện Phước Long
- Các đương sự;
- Lưu

Trần Quang Khang